

CÔNG TY TNHH XÂY DỰNG NGỌC LINH ANH
CÔNG BỐ NỘI DUNG ĐĂNG KÝ THÀNH LẬP MỚI

1. Tên công ty

Tên công ty viết bằng tiếng Việt: CÔNG TY TNHH XÂY DỰNG NGỌC LINH ANH

Tên công ty viết bằng tiếng nước ngoài: NGOC LINH ANH CONSTRUCTION
COMPANY LIMITED

Tên công ty viết tắt: NGOC LINH ANH

2. Mã số doanh nghiệp: 0109768209

3. Ngày thành lập: 07/10/2021

4. Địa chỉ trụ sở chính:

Số nhà 234 Trương Định, Phường Tương Mai, Quận Hoàng Mai, Thành phố Hà Nội,
Việt Nam

Điện thoại: 098303 1551

Fax:

Email: thuytrangnguyen2012@gmail.com Website:
om

5. Ngành, nghề kinh doanh:

STT	Tên ngành	Mã ngành
1.	Xử lý và tiêu huỷ rác thải độc hại	3822(Chính)
2.	Tái chế phế liệu	3830
3.	Xử lý ô nhiễm và hoạt động quản lý chất thải khác	3900
4.	Xây dựng nhà để ở	4101
5.	Xây dựng nhà không để ở	4102
6.	Xây dựng công trình đường sắt	4211
7.	Xây dựng công trình đường bộ	4212
8.	Xây dựng công trình điện	4221
9.	Xây dựng công trình cấp, thoát nước	4222
10.	Xây dựng công trình viễn thông, thông tin liên lạc	4223
11.	Xây dựng công trình công ích khác	4229
12.	Xây dựng công trình thủy	4291
13.	Xây dựng công trình khai khoáng	4292
14.	Xây dựng công trình chế biến, chế tạo	4293
15.	Xây dựng công trình kỹ thuật dân dụng khác (trừ chia tách với cải tạo đất)	4299
16.	Phá dỡ (trừ hoạt động dò, nổ mìn)	4311
17.	Chuẩn bị mặt bằng (trừ hoạt động dò, nổ mìn)	4312
18.	Lắp đặt hệ thống điện	4321
19.	Lắp đặt hệ thống cấp, thoát nước, hệ thống sưởi và điều hoà không khí	4322

20.	Lắp đặt hệ thống xây dựng khác	4329
21.	Hoàn thiện công trình xây dựng	4330
22.	Hoạt động xây dựng chuyên dụng khác	4390
23.	Đại lý, môi giới, đấu giá hàng hóa Chi tiết: Đại lý bán hàng hóa; Đại lý môi giới hàng hóa (trừ hoạt động đấu giá)	4610
24.	Bán buôn nông, lâm sản nguyên liệu (trừ gỗ, tre, nứa) và động vật sống (trừ loại nhà nước cấm)	4620
25.	Bán buôn gạo, lúa mì, hạt ngũ cốc khác, bột mì	4631
26.	Bán buôn thực phẩm (trừ kinh doanh thực phẩm chức năng)	4632
27.	Bán buôn đồ uống	4633
28.	Bán buôn sản phẩm thuốc lá, thuốc lào	4634
29.	Bán buôn vải, hàng may mặc, giày dép	4641
30.	Bán buôn đồ dùng khác cho gia đình	4649
31.	Bán buôn máy vi tính, thiết bị ngoại vi và phần mềm	4651
32.	Bán buôn thiết bị và linh kiện điện tử, viễn thông	4652
33.	Bán buôn máy móc, thiết bị và phụ tùng máy nông nghiệp	4653
34.	Bán buôn máy móc, thiết bị và phụ tùng máy khác	4659
35.	Bán buôn nhiên liệu rắn, lỏng, khí và các sản phẩm liên quan	4661
36.	Bán buôn kim loại và quặng kim loại (trừ kinh doanh vàng miếng, vàng nguyên liệu)	4662
37.	Bán buôn vật liệu, thiết bị lắp đặt khác trong xây dựng	4663
38.	Bán buôn chuyên doanh khác chưa được phân vào đâu Chi tiết: Bán buôn phân bón, thuốc trừ sâu và hóa chất khác sử dụng trong nông nghiệp; Bán buôn hóa chất khác (trừ loại sử dụng trong nông nghiệp); Bán buôn chất dẻo dạng nguyên sinh; Bán buôn cao su; Bán buôn tơ, xơ, sợi dệt; Bán buôn phụ liệu may mặc và giày dép; Bán buôn phế liệu, phế thải kim loại, phi kim loại;	4669
39.	Bán buôn tổng hợp (trừ loại Nhà nước cấm)	4690
40.	Bán lẻ lương thực, thực phẩm, đồ uống, thuốc lá, thuốc lào chiếm tỷ trọng lớn trong các cửa hàng kinh doanh tổng hợp	4711
41.	Bán lẻ khác trong các cửa hàng kinh doanh tổng hợp	4719
42.	Bán lẻ lương thực trong các cửa hàng chuyên doanh	4721
43.	Bán lẻ thực phẩm trong các cửa hàng chuyên doanh	4722
44.	Bán lẻ đồ uống trong các cửa hàng chuyên doanh	4723

45.	Bán lẻ sản phẩm thuốc lá, thuốc Lào trong các cửa hàng chuyên doanh	4724
46.	Bán lẻ nhiên liệu động cơ trong các cửa hàng chuyên doanh	4730
47.	Bán lẻ máy vi tính, thiết bị ngoại vi, phần mềm và thiết bị viễn thông trong các cửa hàng chuyên doanh	4741
48.	Bán lẻ thiết bị nghe nhìn trong các cửa hàng chuyên doanh	4742
49.	Bán lẻ vải, len, sợi, chỉ khâu và hàng dệt khác trong các cửa hàng chuyên doanh	4751
50.	Bán lẻ đồ ngũ kim, sơn, kính và thiết bị lắp đặt khác trong xây dựng trong các cửa hàng chuyên doanh	4752
51.	Bán lẻ thảm, đệm, chăn, màn, rèm, vật liệu phủ tường và sàn trong các cửa hàng chuyên doanh	4753
52.	Bán lẻ đồ điện gia dụng, giường, tủ, bàn, ghế và đồ nội thất tương tự, đèn và bộ đèn điện, đồ dùng gia đình khác chưa được phân vào đâu trong các cửa hàng chuyên doanh Chi tiết: Bán lẻ đồ điện gia dụng, đèn và bộ đèn điện trong các cửa hàng chuyên doanh; Bán lẻ giường, tủ, bàn, ghế và đồ dùng nội thất tương tự trong các cửa hàng chuyên doanh; Bán lẻ đồ dùng gia đình bằng gốm, sứ, thủy tinh trong các cửa hàng chuyên doanh; Bán lẻ nhạc cụ trong các cửa hàng chuyên doanh;	4759
53.	Bán lẻ sách, báo, tạp chí văn phòng phẩm trong các cửa hàng chuyên doanh	4761
54.	Bán lẻ băng đĩa âm thanh, hình ảnh (kể cả băng, đĩa trắng) trong các cửa hàng chuyên doanh	4762
55.	Bán lẻ thiết bị, dụng cụ thể dục, thể thao trong các cửa hàng chuyên doanh	4763
56.	Bán lẻ trò chơi, đồ chơi trong các cửa hàng chuyên doanh	4764
57.	Bán lẻ hàng may mặc, giày dép, hàng da và giả da trong các cửa hàng chuyên doanh	4771
58.	Bán lẻ thuốc, dụng cụ y tế, mỹ phẩm và vật phẩm vệ sinh trong các cửa hàng chuyên doanh	4772
59.	Bán lẻ hàng hóa khác mới trong các cửa hàng chuyên doanh (trừ kinh doanh vàng miếng, kinh doanh súng, đạn loại dùng đi săn hoặc thể thao, kinh doanh tem và tiền kim khí)	4773
60.	Bán lẻ hàng hóa đã qua sử dụng trong các cửa hàng chuyên doanh (trừ đấu giá)	4774
61.	Bán lẻ lương thực, thực phẩm, đồ uống, thuốc lá, thuốc Lào lưu động hoặc tại chợ	4781
62.	Bán lẻ hàng dệt, may sẵn, giày dép lưu động hoặc tại chợ	4782

63.	Bán lẻ thiết bị công nghệ thông tin liên lạc lưu động hoặc tại chợ	4783
64.	Bán lẻ thiết bị gia đình khác lưu động hoặc tại chợ	4784
65.	Bán lẻ hàng văn hóa, giải trí lưu động hoặc tại chợ	4785
66.	Bán lẻ hàng hóa khác lưu động hoặc tại chợ (trừ đấu giá)	4789
67.	Bán lẻ theo yêu cầu đặt hàng qua bưu điện hoặc internet (trừ đấu giá)	4791
68.	Hoạt động dịch vụ hỗ trợ trực tiếp cho vận tải đường sắt	5221
69.	Hoạt động dịch vụ hỗ trợ trực tiếp cho vận tải đường thủy	5222
70.	Bốc xếp hàng hóa	5224
71.	Hoạt động dịch vụ hỗ trợ trực tiếp cho vận tải đường bộ	5225
72.	Hoạt động dịch vụ hỗ trợ khác liên quan đến vận tải (trừ Hoạt động dịch vụ hỗ trợ khác liên quan đến vận tải hàng không)	5229
73.	Tư vấn, môi giới, đấu giá bất động sản, đấu giá quyền sử dụng đất Chi tiết: Kinh doanh dịch vụ môi giới bất động sản Dịch vụ tư vấn bất động sản Dịch vụ quản lý bất động sản (trừ đấu giá)	6820
74.	Cho thuê xe có động cơ	7710
75.	Cho thuê thiết bị thể thao, vui chơi giải trí	7721
76.	Cho thuê băng, đĩa video	7722
77.	Cho thuê đồ dùng cá nhân và gia đình khác	7729
78.	Cho thuê máy móc, thiết bị và đồ dùng hữu hình khác không kèm người điều khiển	7730
79.	Cho thuê tài sản vô hình phi tài chính	7740
80.	Hoạt động của các trung tâm, đại lý tư vấn, giới thiệu và môi giới lao động, việc làm (trừ hoạt động của trung tâm dịch vụ việc làm)	7810
81.	Cung ứng lao động tạm thời	7820
82.	Cung ứng và quản lý nguồn lao động	7830
83.	Vệ sinh chung nhà cửa	8121
84.	Vệ sinh công nghiệp và các công trình chuyên biệt	8129
85.	Dịch vụ chăm sóc và duy trì cảnh quan	8130

86.	Hoạt động dịch vụ hỗ trợ kinh doanh khác còn lại chưa được phân vào đâu Chi tiết: Xuất, nhập khẩu các mặt hàng công ty kinh doanh (trừ đấu giá)	8299
87.	Cung cấp dịch vụ ăn uống theo hợp đồng không thường xuyên với khách hàng	5621
88.	Trồng lúa	0111
89.	Trồng ngô và cây lương thực có hạt khác	0112
90.	Trồng cây lấy củ có chất bột	0113
91.	Trồng cây mía	0114
92.	Trồng cây thuốc lá, thuốc lào	0115
93.	Trồng cây lấy sợi	0116
94.	Trồng cây có hạt chứa dầu	0117
95.	Trồng rau, đậu các loại và trồng hoa	0118
96.	Trồng cây hàng năm khác	0119
97.	Trồng cây ăn quả	0121
98.	Trồng cây lấy quả chứa dầu	0122
99.	Trồng cây điều	0123
100.	Trồng cây hồ tiêu	0124
101.	Trồng cây cao su	0125
102.	Trồng cây cà phê	0126
103.	Trồng cây chè	0127
104.	Trồng cây gia vị, cây dược liệu, cây hương liệu lâu năm	0128
105.	Trồng cây lâu năm khác	0129
106.	Nhân và chăm sóc cây giống hàng năm	0131
107.	Nhân và chăm sóc cây giống lâu năm	0132
108.	Chăn nuôi trâu, bò và sản xuất giống trâu, bò	0141
109.	Chăn nuôi ngựa, lừa, la và sản xuất giống ngựa, lừa	0142
110.	Chăn nuôi dê, cừu và sản xuất giống dê, cừu, hươu, nai	0144
111.	Chăn nuôi lợn và sản xuất giống lợn	0145
112.	Chăn nuôi gia cầm	0146
113.	Chăn nuôi khác	0149
114.	Trồng trọt, chăn nuôi hỗn hợp	0150
115.	Hoạt động dịch vụ trồng trọt	0161
116.	Hoạt động dịch vụ chăn nuôi	0162
117.	Hoạt động dịch vụ sau thu hoạch	0163
118.	Xử lý hạt giống để nhân giống	0164
119.	Khai thác thủy sản biển	0311

120.	Khai thác thủy sản nội địa	0312
121.	Nuôi trồng thủy sản biển	0321
122.	Nuôi trồng thủy sản nội địa	0322
123.	Sửa chữa các sản phẩm kim loại đúc sẵn	3311
124.	Sửa chữa máy móc, thiết bị	3312
125.	Sửa chữa thiết bị điện tử và quang học	3313
126.	Sửa chữa thiết bị điện	3314
127.	Sửa chữa và bảo dưỡng phương tiện vận tải (trừ ô tô, mô tô, xe máy và xe có động cơ khác)	3315
128.	Sửa chữa thiết bị khác	3319
129.	Lắp đặt máy móc và thiết bị công nghiệp	3320
130.	Dịch vụ lưu trú ngắn ngày	5510
131.	Cơ sở lưu trú khác	5590
132.	Nhà hàng và các dịch vụ ăn uống phục vụ lưu động (trừ hoạt động của các phòng hát karaoke, quầy bar, vũ trường)	5610
133.	Dịch vụ ăn uống khác	5629
134.	Dịch vụ phục vụ đồ uống	5630
135.	Thu gom rác thải không độc hại	3811
136.	Thu gom rác thải độc hại	3812
137.	Xử lý và tiêu hủy rác thải không độc hại	3821

6. Vốn điều lệ: 5.000.000.000 VNĐ

7. Thông tin về chủ sở hữu:

Họ và tên:

Giới tính:

Sinh ngày:

Dân tộc: Quốc tịch:

Loại giấy tờ pháp lý của cá nhân:

Số giấy tờ pháp lý của cá nhân:

Ngày cấp:

Nơi cấp:

Địa chỉ thường trú:

Địa chỉ liên lạc:

8. Người đại diện theo pháp luật:

* Họ và tên: ĐOÀN ĐÌNH HOÀI

Giới tính: Nam

Chức danh: Giám đốc

Sinh ngày: 26/11/1980

Dân tộc: Kinh

Quốc tịch: Việt Nam

Loại giấy tờ pháp lý của cá nhân: Thẻ căn cước công dân

Số giấy tờ pháp lý của cá nhân: 033080004490

Ngày cấp: 30/05/2019

Nơi cấp: Cục CS QLHC về TTXH

Địa chỉ thường trú: Thôn Bình Cầu, Xã Quảng Lăng, Huyện Ân Thi, Tỉnh Hưng Yên, Việt Nam

Địa chỉ liên lạc: 423 Minh Khai, Phường Vĩnh Tuy, Quận Hai Bà Trưng, Thành phố Hà Nội, Việt Nam

9. Nơi đăng ký: Phòng Đăng ký kinh doanh Thành phố Hà Nội